

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2021/DS-ST

Ngày 30/6/2021

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Thanh

2. Ông Trần Thanh Khen

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1963. Địa chỉ: số 29/2A, khóm 3, phường 4, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Minh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: số 31 Nguyễn Thị Minh Kh, phường 1, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2021) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/8/2016 do cần vốn mua bán nên bà Dương Thị H có vay của bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5%/tháng/triệu, không quy định thời hạn vay. Để đảm bảo số tiền vay bà H có giao cho bà B giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 19, diện tích 51,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L do bà Dương Thị H đứng tên. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền và giấy nhận tiền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cùng ngày 29/8/2016. Đến hạn bà H không trả nợ, đến tháng 3/2017 bà H trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền vốn và 03 tháng tiền lãi. Sau đó bà B có đến nhà bà H yêu cầu trả tiền vốn còn lại 50.000.000đ, nhưng bà Hoàng tìm cách hẹn lần này đến lần khác, cố tình tránh mặt, không trả nợ.

Bà Dương Thị H đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B nên bà B khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị H trả 50.000.000đ tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 29/11/2016 đến ngày 23/4/2021 là 52 tháng 23 ngày, mức lãi 1,6%/tháng = 42.213.333đ, tổng cộng 92.213.333đ và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà B đồng ý trả lại cho bà Hoàng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 19, diện tích 51,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L do bà H đứng tên với điều kiện khi nào bà H trả xong vốn và lãi.

Bị đơn bà Dương Thị H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được và Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: người đại diện của nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, yêu cầu bị đơn trả tiền vốn 50.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/6/2021, mức lãi 1,6%/tháng x 55 tháng = 44.000.000đ, tổng cộng vốn, lãi là 94.000.000đ.

Bị đơn bà Dương Thị H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Bị đơn bà Dương Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền vốn 50.000.000đ, xét thấy:

Vào ngày 29/8/2016 bà Dương Thị H có vay của bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), hai bên ký kết hợp đồng vay tiền ngày 29/8/2016 và được công chứng tại phòng công chứng Khả Quan, giấy giao nhận tiền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 29/8/2016. Thời hạn vay 03 tháng, tính từ ngày 29/8/2016 đến 29/11/2016, không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể trong hợp đồng, chỉ ghi do hai bên tự thỏa thuận và thực hiện trong phạm vi pháp luật cho phép. Bà H giao cho bà B giữ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 19, diện tích 51,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa

lạc ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do bà Dương Thị H đứng tên.

Sau khi vay tiền, nguyên đơn thừa nhận bà Hoàng có trả được 10.000.000đ tiền vốn và trả được 03 tháng lãi suất, còn lại 50.000.000đ tiền vốn không trả cũng không tiếp tục trả lãi. Vì vậy bà Bảy khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả vốn 50.000.000đ là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn tiền lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày từ ngày 30/11/2016 đến ngày xét xử 30/6/2021 là 55 tháng = 44.000.000đ, xét thấy: Tại Điều 2 của hợp đồng vay tiền ghi lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và thực hiện trong phạm vi pháp luật cho phép, không quy định mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu, như vậy được xem là hợp đồng vay không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất thì hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả, nếu các bên có thỏa thuận về việc trả lãi đối với nợ gốc quá hạn.

Lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử là 9% /năm (0,75%/tháng). Vì vậy đối với mức lãi suất 1,6%/tháng/triệu mà nguyên đơn yêu cầu không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo hợp đồng vay tiền, thời hạn là 03 tháng, kể từ ngày 29/8/2016 đến 29/11/2016, như vậy tiền lãi sẽ được tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày xét xử 30/6/2021 là 55 tháng, mức lãi 0,75%/tháng = 20.625.000đ.

[5]Từ những nhận định trên buộc bà Dương Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé B tiền vốn 50.000.000đ, tiền lãi 20.625.000đ, tổng cộng là 70.625.000đ.

[6]Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 19, diện tích 51,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L do bà Dương Thị H đứng tên, hiện nay bà Nguyễn Thị Bé B đang quản lý. Bà B đồng ý trả lại cho bà Hoàng với điều kiện khi nào bà Hoàng trả xong nợ, xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mời nhiều lần nhưng bà Dương Thị H không tham gia, không làm văn bản trình bày ý kiến yêu cầu để Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên bà Bảy đồng ý trả lại cho bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử công nhận. Nhưng điều kiện mà bà B đưa ra là phải trả hết nợ mới trả giấy CNQSDĐ là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7]Về án phí: bà Dương Thị H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng bà Dương Thị Hoàng không tham gia giải quyết vụ án, không có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên không được

miễn án phí. Buộc bà Dương Thị H phải nộp án phí dân sự có giá ngạch 5% đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận: $70.625.000đ \times 5\% = 3.531.250đ$ (làm tròn 3.531.000đ)

Đối với bà Nguyễn Thị Bé B yêu cầu mức lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày xét xử 30/6/2021 = 44.000.000đ, nhưng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 0,75%/tháng = 20.625.000đ. Phần tiền lãi chênh lệch 23.375.000đ không được chấp nhận nên buộc bà B phải chịu án phí giá ngạch 5%, cụ thể: $23.375.000đ \times 5\% = 1.168.750đ$ (làm tròn 1.168.000đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B;

Buộc bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé B tiền vốn 50.000.000đ, tiền lãi 20.625.000đ, tổng cộng 70.625.000đ (bảy mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bé B phải trả lại cho bà Dương Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 47, tờ bản đồ số 19, diện tích 51,1m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phước Định 1, xã Bình Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L do Sở tài nguyên và môi trường cấp cho bà Dương Thị H ngày 15/3/2016.

3.Về án phí: Buộc bà Dương Thị H phải chịu 3.531.000đ (ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu 1.168.000đ (một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0006493 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé B 1.332.000đ (một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ánh Bình